

Bản án số:04/2025/KDTM-ST

Ngày: 18 - 7 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc

Ông Nguyễn Văn Xô

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST-DS ngày 03/12/2024 về “Tranh chấp hợp đồng kinh tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:06/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST- KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: CTCP Nh.

Địa chỉ: Số 180 phố H - phường Tr - quận C - thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung M, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị M - sinh năm 1996, địa chỉ: Tầng 4, CT4 V, phường Tr, quận C, thành phố H. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Th.

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp L, phường L, thị xã K, tỉnh H (nay là phường K, thành phố Hải Phòng). Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn Đ, chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2024, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần nhà thép S (sau khi sáp nhập là CTCP Nh) (Bên B) và Công ty Th (Bên A) sau đây gọi tắt là Công ty Thký kết hợp đồng kinh tế số 01.10/2018-THANH DUNG/SBC ngày 01/10/2018 về việc thiết kế, chế tạo, cung cấp và lắp dựng hoàn thiện phần kết cấu nhà khung thép, tôn bao che cho công trình mở rộng nhà xeo 1 tại phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường K, thành phố Hải Phòng). Theo hợp đồng kinh tế, CTCP Nh phải thực hiện thi công sản xuất và lắp dựng là 80 ngày (bao gồm cả thứ 7 và chủ nhật) kể từ ngày bên B nhận được tiền ứng của bên A và bản vẽ thiết kế kỹ

thuật được phê duyệt. Bên B được gia hạn thời gian hoàn thành công việc nếu việc chậm trễ do những nguyên nhân không do bên B gây ra hoặc do điều kiện bất khả kháng. Sản phẩm chỉ được nghiệm thu bàn giao khi hai bên kiểm tra đảm bảo chất lượng công trình và bên B phải báo trước cho bên A 3 ngày. Sau khi bên B hoàn thành công việc trong hợp đồng thì bên B gửi thông báo cho bên A về việc hoàn thành công trình. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được thư thông báo hoàn thành công việc theo hợp đồng thì bên A phải tiến hành tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình. Giá trị hợp đồng là 4.698.100.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT). Bên A ứng trước cho bên B 20% giá trị hợp đồng trong vòng 5 ngày làm việc. Khi bên B bắt đầu vận chuyển hàng đến công trường, bên A chuyển tiếp cho bên B 30% giá trị hợp đồng để bên B tiến hành lắp dựng. Sau khi bên B lắp dựng xong phần kết cấu khung thép, hai bên nghiệm thu, bên A chuyển tiếp 30% giá trị hợp đồng để bên B tiến hành lợp tôn. Thanh toán phần còn lại của giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ ngày bên B bàn giao công trình cho bên A đưa vào sử dụng kèm theo thư báo hành công trình. Trường hợp bên B vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng thì cứ mỗi tuần chậm tiến độ bên B sẽ phải chịu mức phạt 0,3% giá trị hợp đồng vi phạm, tổng giá trị phạt chậm tiến độ không quá 3% giá trị hợp đồng. Trường hợp bên A vi phạm thời gian tạm ứng và thanh toán giá trị hợp đồng thì cứ một tuần chậm thanh toán bên A phải chịu mức phạt 0,3% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Tổng giá trị phạt chậm thanh toán không quá 3% giá trị hợp đồng.

Tháng 12/2019, Công ty Thvà CTCP Nh ký Phụ lục hợp đồng: PL01/12.2019, nội dung: Bên A cho bên B thực hiện thi công phần công việc còn lại của xưởng xeo 1 tại thôn Ng, phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường K, thành phố Hải Phòng) theo đúng bản vẽ thiết kế được bên A phê duyệt. Nội dung công việc tiêu chuẩn chất lượng, phạm vi trách nhiệm được giới hạn cụ thể trong các điều khoản của Hợp đồng và hồ sơ thiết kế kèm theo Hợp đồng. Giá trị phụ lục hợp đồng là 2.838.330.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT). Giá trị phụ lục hợp đồng không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng (quy định tại Điều 7 của Hợp đồng kinh tế số 01 ngày 01/10/2018) và những quy định hiện hành của pháp luật. Các điều khoản không nêu tại hợp đồng này được tuân thủ theo đúng hợp đồng kinh tế số 01.

Ngày 12/5/2021, CTCP Nh đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng với Công ty Th. Ngày 28/5/2021, CTCP Nh và Công ty Thký biên bản thanh lý hợp đồng số 01.10.2018/THANH DUNG/SBC, hai bên xác định khối lượng công việc đã hoàn thành, chất lượng đảm bảo, giá trị quyết toán là 7.480.000.000 đồng, bên A đã thanh toán cho bên B số tiền là 4.000.000.000 đồng, bên A còn phải thanh toán cho bên B là 3.480.000.000 đồng. Số tiền còn lại bên A phải thanh toán cho bên B ngay sau khi ký thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày 18/10/2024, bên A còn nợ bên B số tiền 1.400.003.000VNĐ.

Do vậy, bên B yêu cầu khởi kiện: buộc bên A phải trả cho bên B số tiền nợ còn lại là 1.400.003.000VNĐ; Buộc bên A thanh toán một lần và toàn bộ số tiền phạt vi phạm theo quy định tại Điều 13.2 của Hợp đồng 01.10.2018/THANH DUNG/SBC cho bên B, tương ứng 3% giá trị của hợp đồng là 226.092.900 đồng; Buộc bên A thanh toán một lần và toàn bộ số tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015 cho bên B,

tương ứng 10% giá trị phần chậm thanh toán/thời gian chậm thanh toán (3 năm 2 tháng được tạm tính từ ngày 12/8/2021 đến ngày 12/10/2024) là 443.334.282VNĐ. Tổng số tiền bên B đề nghị Tòa án buộc bên A phải có trách nhiệm thanh toán là 2.069.430.182VNĐ.

Bị đơn Công ty Th được Tòa án triệu tập hợp lệ, niêm yết tại trụ sở, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ cho quá trình thanh quyết toán với CTCP Nh. Tuy nhiên Công ty Th không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của CTCP Nh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn xuất trình bảng thanh quyết toán với bị đơn, thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, xác định tính đến ngày 18/7/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 910.003.000VNĐ, do vậy yêu cầu buộc bên A còn phải thanh toán số tiền nợ còn lại cho bên B là 910.003.000VNĐ; Buộc bên A thanh toán một lần và toàn bộ số tiền phạt vi phạm theo quy định là 3% tổng giá trị chậm trả của số tiền chậm trả là 3.480.000.000VNĐ, tương ứng là 104.400.000VNĐ; Buộc bên A phải chịu lãi chậm trả theo quy định của Bộ Luật dân sự kể từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án đến khi bên A thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bên B; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn đã đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, còn bị đơn không chấp hành. Về nội dung: Căn cứ Điều 117 và Điều 119, 280, khoản 2 điều 468, 513 của [Bộ luật dân sự năm 2015](#); Điều 301 của [Luật Thương mại](#); khoản 2 Điều 26 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của CTCP Nh.

Buộc Công ty Th, Địa chỉ tại Cụm Công nghiệp L, phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng) phải thanh toán trả CTCP Nh số tiền nợ là 910.003.000VNĐ và tiền phạt giá trị hợp đồng bị vi phạm là 104.400.000VNĐ; Tổng số tiền Công ty Th phải có trách nhiệm trả CTCP Nh là 1.014.403.000VNĐ (Một tỷ không trăm mười bốn triệu bốn trăm không ba nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (19/7/2025) Công ty Th còn phải trả lãi cho CTCP Nh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Buộc bị đơn phải nộp tiền án sơ thẩm theo quy định, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của CTCP Nh về việc yêu cầu Công ty Th, Địa chỉ tại Cụm Công nghiệp L, phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng) thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng kinh

tế, biên bản thanh lý hợp đồng được thể hiện có trong hồ sơ vụ án. Ngày 18/10/2024, CTCP Nh có đơn yêu cầu khởi kiện lựa chọn TAND thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng) giải quyết. Xét sự lựa chọn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần áp dụng quy định về thẩm quyền được quy định tại điều 35, điều 39 và điều 40 của BLTTDS, nên TAND thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng) thụ lý, giải quyết là phù hợp.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của CTCP Nh thì thấy: Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 01.10/2018-THANHDUNG/SBC ngày 01/10/2018, biên bản thanh lý hợp đồng, quá trình thanh toán nợ giữa CTCP Nh và Công ty Th. Tại phiên tòa CTCP Nh thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, xét nội dung yêu cầu thay đổi không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu của CTCP Nh buộc Công ty Th phải có trách nhiệm thanh toán là phù hợp.

[3] Về yêu cầu thanh toán số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt: Quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế số 01.10/2018-THANHDUNG/SBC ngày 01/10/2018, biên bản thanh lý hợp đồng, quá trình thanh toán nợ xác nhận hiện Công ty Th còn nợ CTCP Nh số tiền 910.003.000VNĐ, nên cần buộc Công ty Th phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại cho bên B là 910.003.000VNĐ; Đối với số tiền phạt vi phạm theo quy định tại hợp đồng là 3% giá trị hợp đồng bị vi phạm, xét thời hạn vi phạm của hợp đồng kể từ ngày thanh lý hợp đồng 28/5/2021 đối với số tiền chậm trả là 3.480.000.000VNĐ, theo nội dung tương ứng là 104.400.000VNĐ; Tổng số tiền Công ty Th phải có trách nhiệm trả CTCP Nh số tiền là 1.014.403.000VNĐ. Kể từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án bên A phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 30, 35, 39, 40, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 280, 351, 353, 357, khoản 2 điều 468, 513 Bộ luật dân sự; Điều 301 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của CTCP Nh.

Buộc Công ty Th, Địa chỉ tại Cụm Công nghiệp L, phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng) phải thanh toán trả CTCP Nh số tiền nợ là 910.003.000VNĐ đồng và tiền phạt giá trị hợp đồng bị vi phạm là 104.400.000VNĐ; Tổng số tiền Công ty Th phải có trách nhiệm trả CTCP Nh là 1.014.403.000VNĐ (Một tỷ không trăm mười bốn triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (19/7/2025) Công ty Th còn phải trả lãi cho CTCP Nh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Buộc Công ty Th phải chịu 42.432.090 đồng án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm; Trả lại CTCP Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.700.000 đồng theo Biên lai thu số BLTU/23/0007106 ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nay là Phòng THADS khu vực 10 - Hải phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Toà án báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 10-Hải phòng;
- THADS thành phố Hải phòng;
- Phòng THADS khu vực 10-Hải phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền